

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2025/DS-ST
Ngày 30-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản và hợp đồng khoán việc.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Thiện;

Ông Vũ Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Hồ Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 173/2025/TLST-DS ngày 28-3-2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng khoán việc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 249/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121A/2025/QĐST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã D, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Ông Mai Trung T1, sinh năm 1975; (có mặt)

Bà Bùi Thị L, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số H, tổ I, ấp P, xã C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-02-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 17-6-2024 (âm lịch), bà có cho ông T1, bà L vay số tiền 60.000.000 đồng, khi vay ông T1 là người viết giấy nợ và ký tên ghi họ tên, ông T1 nói bà Bùi Thị L bận đi làm không về kịp nên ông T1 ký luôn tên của bà L, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất là 2%/tháng, nhưng không ghi vào giấy nợ. Tiền là của bà không phải là tiền của anh Võ Dương V – con bà, do bà lớn tuổi nên lo sợ có việc gì thì con bà sẽ tiếp tục đòi tiền nợ nên trong mẫu giấy nợ của bà có tên anh V. Do ông T1 không trả tiền lãi, không trả nợ gốc vì vậy bà khởi kiện yêu cầu ông T1, bà L trả cho bà số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, vì một mình ông T1 vay thì bà không cho vay nên ông T1 nói để ký tên luôn vợ ông T1 vào vì vậy bà yêu cầu cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ.

Bị đơn – ông Mai Trung T1 trình bày:

Vào năm 2021 ông có vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng, mục đích vay là để làm vốn làm nghề cơ khí để tạo thu nhập chi tiêu chung sinh hoạt gia đình. Khi vay, ông viết giấy nợ vào mẫu có sẵn do bà T cung cấp và ký tên, ghi họ tên, ông ký luôn tên của vợ ông là Bùi Thị L, do vay không có thời hạn vì vậy ông không đề ngày vay vào giấy nợ, lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng, ông trả lãi cho bà T đến hết tháng 3/2024. Vào năm 2024, ông có nhận làm nhà sắt cho bà T, giá trị làm nhà sắt là 67.000.000 đồng, ông trừ tiền lãi của khoản vay 60.000.000 đồng là 27.000.000 đồng, ông ứng thêm tiền mặt của bà T 20.000.000 đồng, tổng cộng là 47.000.000 đồng, bà T còn nợ lại ông số tiền 20.000.000 đồng, khi ứng tiền bà T có yêu cầu ông ghi giấy ứng tiền, ông là người nhận tiền ứng nên bà T không cần phải xác nhận, ông đưa cho bà T giữ. Khi hoàn thành công trình nhà sắt, ông có liên lạc bà T để yêu cầu bà T thanh toán số tiền 20.000.000 đồng để ông trả tiền công nhưng bà T không trả mà hỏi ông “còn tiền gì mà trả”, theo ý bà T thì bà T không trả số tiền 20.000.000 đồng còn nợ lại ông mà để tiếp tục trừ vào tiền lãi, sau đó bà T có nói với ông để bà T trả cho ông 5.000.000 đồng, ông không đồng ý nhận. Nay ông đồng ý trả cho bà T số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, ông khởi kiện phản tố yêu cầu bà T trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 07-4-2024 (ngày ông hoàn thành công trình bàn giao cho bà T) đến khi kết thúc vụ kiện.

Bà Bùi Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T1 bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Mai Trung T1 về tranh chấp hợp đồng khoán việc. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà T khởi kiện ông T1 bà L yêu cầu trả tiền nợ vay 60.000.000 đồng xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn ông T1 phản tố yêu cầu bà T trả số tiền 20.000.000 đồng, xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng khoán việc theo quy định tại khoản 3, Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại xã C, tỉnh Tây Ninh vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà L đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà T yêu cầu ông T1, bà L trả số tiền 60.000.000 đồng và tiền lãi. Ông T1 thừa nhận có vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng vào năm 2021, không thỏa thuận thời hạn trả, ông có trả tiền lãi cho bà T đến tháng 3-2024, ông T1 đồng ý tự chịu trách nhiệm trả cho bà T số tiền 60.000.000 đồng, không yêu cầu bà L cùng có trách nhiệm trả vì không liên quan đến bà L; tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông T1 trình bày ông

vay số tiền 60.000.000 đồng để làm vốn làm ăn tạo thu nhập trang trải chi phí sinh hoạt gia đình. Do đó bà T yêu cầu bà L cùng có trách nhiệm trả nợ là có căn cứ chấp nhận, buộc ông T1 bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 60.000.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của ông T1: Ông yêu cầu bà T trả số tiền 20.000.000 đồng là tiền công ông làm công trình nhà sắt cho bà T. Bà T thừa nhận có giao khoán cho ông T1 làm nhà sắt cho bà vào năm 2024, làm nhà sắt bao nhiêu tiền bà không nhớ rõ, sau khi hoàn thành công trình thì bà đã thanh toán hết tiền cho ông T1, khi ông T1 bàn giao công trình thì bà trả tiền cho ông T1 đủ, không làm biên bản giao nhận vì trước đây ông T1 làm nhiều công trình cho bà thì cũng đều thực hiện như vậy. Đến khoảng 03 tháng sau bà mới cho ông T1 vay số tiền 60.000.000 đồng. Giấy ông T1 ứng tiền là do ông T1 làm rơi ở nhà bà, giấy này hoàn toàn không có bút tích gì của bà, bà không ký tên, hiện nay bà cũng không còn giữ. Xét thấy, bản phô tô giấy ứng tiền lập trước ngày giấy nợ vay số tiền 60.000.000 đồng, bà T cho rằng ông T1 vay số tiền 60.000.000 đồng sau khi ông T1 ứng tiền; ông T1 cho rằng đã vay của bà bà T từ năm 2021 nhưng ông T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh do đó không có căn cứ xác định bà T còn nợ ông T1 số tiền 20.000.000 đồng tiền công làm công trình nhà sắt cho bà T, ông T1 yêu cầu bà T trả số tiền 20.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Bà T yêu cầu trả tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay là 17-6-2024 âm lịch (21-7-2024 dương lịch) cho đến khi kết thúc vụ kiện. Xét thấy, khi cho vay không thỏa thuận lãi suất, bà T cho rằng lãi suất là 2%/tháng, ông T1 cho rằng lãi suất là 6%/tháng, có tranh chấp về lãi suất, do đó mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, cụ thể: $60.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 14 \text{ tháng} 09 \text{ ngày}$ (từ ngày 21-7-2024 đến ngày 30-9-2025) = 7.150.000 đồng.

[3] Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông T1 phải chịu: 3.357.500 đồng đối với số tiền phải trả cho bà T và phải chịu 1.000.000 đồng đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

Bà T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí do trên 60 tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Mai Trung T1, bà Bùi Thị L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Mai Trung T1, bà Bùi Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 67.150.000 (*sáu mươi bảy triệu một trăm năm mươi nghìn*) đồng, trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng và lãi là 7.150.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30-9-2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Mai Trung T1 về “Tranh chấp hợp đồng khoán việc”

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T1 phải chịu: 4.357.500 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai thu số 0005496 ngày 26-5-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, ông T1 còn phải nộp thêm 3.857.500 đồng.

Bà T thuộc trường hợp được miễn án phí.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại trụ sở Tòa án, ủy ban nhân dân xã (phường), nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND tỉnh Tây Ninh,
- VKSND khu vực 11,
- Thi hành án dân sự T.Tây Ninh,
- Các đương sự.
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thơ